



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 335 + 336

Ngày 15 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

18-4-2025- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND quy định chi đặc thù cho các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

5

18-4-2025 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

22

- 18-4-2025 Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. 25
- 18-4-2025 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 27
- 18-4-2025 Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 29

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 22-5-2025 Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. 31

23-5-2025 Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002, Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư.

33

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

28-4-2025 Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

41

28-4-2025 Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

58

28-4-2025 Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tài nguyên và Môi trường và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi đặc thù cho các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm
ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 2619/TTr-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo nghị quyết quy định chi đặc thù cho các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chi đặc thù cho các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định đối tượng, nội dung chi, mức chi cho các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Đối tượng quy định nêu tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII ban hành kèm theo Nghị quyết này;
- b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung thực hiện

Nội dung chi, mức chi, đối tượng chi được quy định tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII ban hành kèm theo Nghị quyết này và được áp dụng chi trong năm 2025 để phục vụ công tác chuẩn bị, tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo của Ban Chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025;

b) Chỉ đạo thực hiện việc mời, thăm, tham dự Lễ kỷ niệm đối với các cá nhân, tập thể nêu tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này theo đúng ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, đảm bảo bao phủ đúng, đủ tất cả các đối tượng tri ân, thể hiện trọn vẹn tinh thần tri ân, nhớ ơn và truyền thống uống nước nhớ nguồn nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước;

c) Chỉ đạo việc lựa chọn, quyết định chi mua sắm và tổ chức trao tặng quà tri ân đảm bảo ý nghĩa, mang giá trị biểu trưng, truyền thống tri ân, nhớ ơn và đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc phân nhóm các cá nhân nhận quà cần được thực hiện theo các mức chi phù hợp trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban Chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) nhằm đảm bảo tính nhân văn, phù hợp với tính biểu trưng, ý nghĩa chính trị của Lễ kỷ niệm, tối ưu hóa việc sử dụng các tặng phẩm, tăng tính trang trọng, nhân văn, tiết kiệm và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố;

d) Sớm ban hành kế hoạch và chỉ đạo các cơ quan có liên quan hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cho các đơn vị được giao nhiệm vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, tránh phát sinh vướng mắc, khó khăn. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí phải được thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước, đảm bảo đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ làm căn cứ thanh toán, quyết toán theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ

chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

PHỤ LỤC I
QUÀ TẶNG TRI ÂN CÁC CÁ NHÂN TIÊU BIỂU
TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1975 - 2025)

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

Quà tặng tri ân cho các cá nhân tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2025) được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, mức chi tối đa không quá 6.000.000 đồng/người./.

PHỤ LỤC II**CHI QUÀ TẶNG CHO CÁ NHÂN TIÊU BIỂU LÀ CÁN BỘ, CHIẾN SĨ VÀ
NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA LÀM NÊN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN
NĂM 1975 VÀ GIA ĐÌNH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THAM GIA
CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH THEO KẾ HOẠCH THĂM VÀ TẶNG QUÀ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

1. Đối tượng: cá nhân tiêu biểu là cán bộ, chiến sĩ và người trực tiếp tham gia làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, gia đình người có công với cách mạng tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh theo kế hoạch thăm và tặng quà của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Mức chi: quà tặng tối đa không quá 5.000.000 đồng/người./.

PHỤ LỤC III

**CHI QUÀ TẶNG CHO ĐẠI BIỂU ĐƯỢC MỜI ĐẾN THĂM THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH HOẶC THAM DỰ CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN KỶ NIỆM
50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2025) DO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỔ CHỨC**
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

1. Đối tượng: cán bộ, chiến sĩ, cựu chiến binh và những người trực tiếp tham gia làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tham dự các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức mời và đón tiếp đại biểu cán bộ, chiến sĩ và những người trực tiếp tham gia làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh, tham dự các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

2. Mức chi: quà tặng là tiền mặt 3.000.000 đồng/người/lượt./.

PHỤ LỤC IV
CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐÓN TIẾP, HẬU CẦN, PHỤC VỤ ĐẠI BIỂU
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐẾN THĂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2025)

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

1. Đối tượng

a) Theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức mời và đón tiếp đại biểu cán bộ, chiến sĩ và những người trực tiếp tham gia làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh, tham dự các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), gồm:

Cán bộ, chiến sĩ, cựu chiến binh và những người trực tiếp tham gia làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; lãnh đạo, người phục vụ các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

b) Các Đoàn Cựu chiến binh, Ban Liên lạc là cựu chiến binh của các đơn vị lực lượng vũ trang tham gia làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 hiện đang sinh sống tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thăm chiến trường xưa tại Thành phố Hồ Chí Minh nhân Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Nội dung, mức chi

a) Chi phí thuê phương tiện đưa đón đi và về, di chuyển bằng máy bay (hạng phổ thông) hoặc tàu, xe; xe đưa đón đoàn từ sân bay hoặc nhà ga về khách sạn và ngược lại; xe đưa đón đoàn tham quan Thành phố theo lịch trình: được thanh toán

theo hóa đơn thực tế.

b) Chi ăn uống thanh toán theo hóa đơn thực tế: tối đa 300.000 đồng/người/buổi (không quá 03 buổi/ngày), giải khát 30.000 đồng/người/buổi.

c) Chi phí thuê phòng nghỉ: thanh toán theo hóa đơn thực tế, tối đa 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng. Trường hợp đoàn có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/ngày/người.

d) Chi phí tham quan theo thực tế: tối đa 1.000.000 đồng/người/chuyến.

đ) Chi hướng dẫn viên Thành phố Hồ Chí Minh tham gia đón tiếp đoàn đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thực tế: tối đa 800.000 đồng/người/ngày (không quá 03 ngày)/.

PHỤ LỤC V

**CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC HẬU CẦN ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU
THAM DỰ LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG
MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)**
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

I. ĐỐI TƯỢNG CHI *(theo thư mời hoặc phân công của Ban Chỉ đạo Trung ương Kỷ niệm các ngày Lễ lớn và Sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trong 3 năm 2023 - 2025, Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày Lễ lớn Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Nhóm 1

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ.

2. Nhóm 2

Lãnh đạo Ban Bí thư, Lãnh đạo Chính phủ, Lãnh đạo các Ban Đảng Trung ương, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội qua các thời kỳ.

3. Nhóm 3

Lãnh đạo Bộ, ngành Trung ương; Ủy viên Trung ương Đảng; Lãnh đạo các tỉnh, thành phố; Lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố qua các thời kỳ.

4. Nhóm 4

Lãnh đạo các cơ quan Bộ, ngành Trung ương; lãnh đạo cơ quan ban, ngành Chính phủ; đại biểu Quốc hội; đại biểu các tỉnh, thành phố; đại biểu là cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia làm nên Đại thắng mùa xuân 1975.

Gia đình các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Trung ương Cục miền Nam.

Nhân sĩ trí thức tiêu biểu.

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh, thành phố.

Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ các tỉnh, thành phố.

Thành viên các Hội đồng tư vấn đóng góp cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Phóng viên báo chí quốc tế.

5. Nhóm 5

Cán bộ tháp tùng, hậu cần, tài xế, lực lượng phục vụ.

II. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

1. Chi phí thuê phương tiện xe đưa đón đại biểu từ sân bay hoặc nhà ga về khách sạn và ngược lại; xe đưa đón đại biểu tham quan Thành phố theo lịch trình: được thanh toán theo hóa đơn thực tế.

2. Chi ăn uống thanh toán theo hóa đơn thực tế, cụ thể:

a) Mức chi ăn hằng ngày:

- Nhóm 1: mức chi theo thực tế;
- Nhóm 2: mức chi theo thực tế;
- Nhóm 3: mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày (02 buổi/ngày);
- Nhóm 4: mức chi tối đa 800.000 đồng/người/ngày (02 buổi/ngày);
- Nhóm 5: mức chi tối đa 600.000 đồng/người/ngày (02 buổi/ngày).

b) Mức chi mời cơm (01 buổi) tối đa 1.500.000 đồng/người/buổi.

3. Chi phí thuê phòng nghỉ được thanh toán theo hóa đơn thực tế, cụ thể:

- Nhóm 1: mức chi theo thực tế;
- Nhóm 2: mức chi theo thực tế;
- Nhóm 3: mức chi tối đa là 4.500.000 đồng/ngày/phòng;
- Nhóm 4: mức chi tối đa là 2.500.000 đồng/ngày/phòng;

- Nhóm 5: mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/ngày/phòng. Trường hợp đoàn có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng).

4. Chi phí tham quan thanh toán theo hóa đơn thực tế, mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/chuyến./.

PHỤ LỤC VI
QUÀ TRI ÂN ĐẠI BIỂU DỰ LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM
NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2025)

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

I. ĐỐI TƯỢNG *(theo thư mời hoặc phân công của Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày Lễ lớn Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Gia đình các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước đã mất;
- Gia đình các tướng lĩnh tiêu biểu có công với đất nước;
- Các đồng chí Thường trực và nguyên Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đồng chí Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ;
- Ủy viên Trung ương Đảng;
- Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng;
- Bí thư các tỉnh, thành phố (không là Ủy viên Trung ương Đảng);
- Các đồng chí nguyên Bí thư các tỉnh, thành phố trên cả nước;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lãnh đạo Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (khóa IX, X);
- Tướng lĩnh quân đội nghỉ hưu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cấp Trung tướng trở lên);
- Bí thư, Đô trưởng, Thị trưởng và Chủ tịch các địa phương kết nghĩa với Thành phố Hồ Chí Minh và Đoàn cấp cao của Lào, Campuchia, Cuba;
- Đại diện lãnh đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Hội, Đoàn thể Trung ương;

- Các đồng chí thành viên Ban chỉ đạo cấp Quốc gia kỷ niệm các ngày Lễ lớn trong hai năm 2024 - 2025 (không là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng và Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng);

- Cán bộ lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng;

- Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động;

- Các đồng chí Thành ủy viên;

- Các đồng chí đại diện các lực lượng vũ trang;

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;

- Phó Chủ tịch không chuyên trách và cá nhân tiêu biểu là Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố các nhiệm kỳ;

- Đại diện cựu chiến binh, cựu Thanh niên xung phong tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, tham gia kháng chiến chống Mỹ; cựu chiến sỹ Biệt động Thành; các đồng chí tham gia lãnh đạo, chỉ huy cuộc Tổng tiến công Giải phóng miền Nam; đại diện các đơn vị tham gia Giải phóng Sài Gòn năm 1975;

- Các đồng chí (hoặc đại diện gia đình) nguyên là thành viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam; cựu sinh viên Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định; các nhân sỹ, trí thức, chức sắc, tôn giáo, dân tộc tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Giải phóng miền Nam năm 1975 và đại diện một số đoàn thể khác;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện lãnh đạo các Sở, ban - ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang; tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thành phố Thủ Đức và các quận - huyện;

- Đại diện các quốc gia, Tổng lãnh sự quán các nước; các tổ chức, cơ quan quốc tế; các hãng thông tấn nước ngoài và cựu phóng viên chiến trường, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị các nước;

- Thành viên các Tiểu ban và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 -30/4/2025) và Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lãnh đạo các phường - xã - thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lãnh đạo các cơ quan báo chí Trung ương và Thành phố;

- Đại biểu nhân sỹ trí thức, chức sắc tôn giáo, đại biểu dân tộc; đại biểu cựu chiến binh, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ tiêu biểu;

- Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, tình nguyện viên trực tiếp tham gia phục vụ các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất

nước;

- Đại biểu tham dự các Hội thảo khoa học trong khuôn khổ tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước;

- Đại biểu về thăm Thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch mời của Thành phố và thành viên điều binh, điều hành, các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia dự Lễ.

II. MỨC CHI

1. Nhóm 1: tối đa không quá 41.000.000 đồng/đại biểu.

2. Nhóm 2: tối đa không quá 16.000.000 đồng/đại biểu.

3. Nhóm 3: tối đa không quá 6.000.000 đồng/đại biểu.

4. Nhóm 4: tối đa không quá 1.000.000 đồng/đại biểu.

Trường hợp đại biểu dự Lễ thuộc nhiều nhóm đối tượng thì chỉ nhận quà tri ân theo mức chi của nhóm cao nhất.

Căn cứ mức chi nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành chi tiết quà tặng cho các nhóm đối tượng theo các cấp độ sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) để làm cơ sở triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC VII
HỖ TRỢ LỰC LƯỢNG THAM GIA ĐIỀU BINH, ĐIỀU HÀNH VÀ PHÓNG
VIÊN, BÁO, ĐÀI TRONG NƯỚC, LỰC LƯỢNG CÔNG AN THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG
MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2025)

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

I. ĐỐI TƯỢNG

1. Thành viên Ban Chỉ đạo, các Tiểu ban, người giám sát, điều hành, người hướng dẫn tập luyện, người làm công tác bảo vệ, y tế, phục vụ.

2. Lực lượng điều hành khối Nghi trọng:

a) Xe mô hình Quốc huy;

b) Xe rước chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh;

c) Xe mô hình biểu tượng 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Khối điều hành quần chúng:

a) Khối Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nhân chứng lịch sử tiêu biểu;

b) Khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

c) Khối Cựu chiến binh;

d) Khối Cựu Thanh niên xung phong giải phóng;

đ) Khối Công nhân;

e) Khối Nông dân;

g) Khối Trí thức;

h) Khối Doanh nhân;

i) Khối Đồng bào Việt Nam ở nước ngoài;

k) Khối Phụ nữ;

l) Khối Thiếu nhi và Thanh niên;

m) Khối Văn hóa, Thể thao.

4. Khối nền đoàn thể và các sở, ban, ngành:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Thành Đoàn, Tổng Công ty Điện lực Thành phố;

b) Lực lượng phục vụ khối đứng nền.

5. Lực lượng an ninh, trật tự Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố.

6. Lực lượng tham gia điều binh.

7. Lực lượng phóng viên, báo, đài trong nước làm nhiệm vụ.

II. NỘI DUNG CHI

1. Hỗ trợ chế độ ăn uống trong thời gian tập luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và chính thức *(đối với các đối tượng tại mục 1, 2, 3, 4 Phần I)*:

a) Thời gian tập huấn, huấn luyện, hợp luyện: 240.000 đồng/người/ngày;

b) Thời gian sơ duyệt, tổng duyệt và làm nhiệm vụ chính thức: 320.000 đồng/người/ngày.

2. Chế độ tiền bồi dưỡng:

a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn: 180.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên các Tiểu ban, người hướng dẫn tập luyện: 150.000 đồng/người/ngày;

c) Lực lượng phục vụ, y tế, bảo vệ: 70.000 đồng/người/ngày;

d) Lực lượng điều hành (người tập): bồi dưỡng trong thời gian tập luyện 30.000 đồng/người/ngày; tổng duyệt (tối đa 02 ngày): 40.000 đồng/người/ngày; diễn chính thức: 70.000 đồng/người/ngày.

3. Hỗ trợ về trang phục, đạo cụ *(đối với các đối tượng tại mục 2, 3, 4 Phần I)*:

a) Về trang phục: thực hiện trang phục theo quy định thống nhất của Ban Tổ chức, theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 2.000.000 đồng/người;

b) Về giày: thực hiện trang phục theo quy định thống nhất của Ban Tổ chức, theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 400.000 đồng/người;

c) Về đạo cụ: thực hiện đạo cụ theo quy định thống nhất của Ban Tổ chức, theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 500.000 đồng/người;

d) Hỗ trợ chi phí trang điểm cho lực lượng nữ tham gia: 200.000 đồng/người.

4. Lực lượng an ninh, trật tự Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố.

Lực lượng Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố làm nhiệm vụ trong thời gian diễn ra các hoạt động của Thành phố và trong thời gian diễn ra các hoạt động cấp nhà nước: 70.000 đồng/người/ngày.

5. Chi quà tặng động viên cho các khối điều binh, điều hành: 52.000.000 đồng/khối (*tiền mặt 50.000.000 đồng và quà tặng trị giá 2.000.000 đồng*).

6. Chi cho phóng viên, báo, đài trong nước làm nhiệm vụ.

a) Hỗ trợ tiền ăn: 200.000 đồng/người/ngày (tối đa 04 ngày);

b) Mời cơm thân (01 lần): 300.000 đồng/suất;

c) Chi phí mua vé tham quan, du lịch: theo thực tế phát sinh nhưng không vượt quá 1.000.000 đồng/người./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 2100/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân

Thành phố dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-BPC ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách hỗ trợ thêm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 15 tháng 3 năm 2025 thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ thêm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 4 năm 2025.
2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND

ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND

ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập
trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 2647/TTr-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố bãi bỏ khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-BPC ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Điều 1. Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 4 năm 2025.
2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016
ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang
sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 964/TTr-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Báo cáo thẩm tra bổ sung số 153/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng

vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017
về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng
công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2017 - 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 2341/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về dự thảo nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày
06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành chính sách hỗ
trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra số
154/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2017/NQ-
HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình
độ đại học, cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố
Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7
năm 2017 về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao
đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí
Minh giai đoạn 2017 - 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1023/TTr-SKHCHN ngày 23 tháng 4 năm 2025 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2270/BC-STP ngày 31 tháng 03 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng

vốn ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 6 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002, Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 và Quy định kèm theo về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô

thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức;

Thực hiện Thông báo số 1483/TB-TTCTP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Thanh tra Chính phủ về kết quả kiểm tra một số nội dung chủ yếu liên quan đến việc khiếu nại của công dân về Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Thông báo số 140/TB-VPCP ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình liên quan đến việc xử lý sau thanh tra Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về truyền đạt ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc giải quyết khiếu nại của người dân liên quan đến Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Thông báo số 2310-TB/TU ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Thành ủy về kết luận của Thường trực Thành ủy về một số giải pháp giảm thiểu việc khiếu nại, tụ tập đông người liên quan công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư thực hiện quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2;

Thực hiện Kết luận số 361-KL/TU ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về chỉ đạo xem xét, giải quyết các trường hợp kiến nghị, khiếu nại liên quan công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Thực hiện Kết luận số 387-KL/TU ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2;

Thực hiện Thông báo kết luận số 133-KL/TU ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Thực hiện Thông báo số 75/TB-VPCP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Văn

phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về việc giải quyết khiếu nại của công dân liên quan đến Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tại Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 về đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Khu đô thị mới Thủ Thiêm; ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 271/TTr-STNMT-BTTĐC-M ngày 12 tháng 11 năm 2021, Tờ trình số 286/TTr-STNMT-BTTĐC-M ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Công văn số 122/STNMT-BTTĐC-M ngày 09 tháng 6 năm 2022, Công văn số 130/STNMT-BTTĐC-M ngày 17 tháng 6 năm 2022, Công văn số 197/STNMT-BTTĐC-M ngày 19 tháng 8 năm 2022, Công văn số 285/STNMT-BTTĐC-M ngày 02 tháng 11 năm 2022, Tờ trình số 3330/TTr-STNMT-BTTĐC ngày 26 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 214/STP-VB ngày 22 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002, Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 như sau:

“2.1- Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết b.1.2.4 như sau:

b.1.2.4- Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ ngày 16 tháng 9 năm 1998 đến trước ngày 10 tháng 5 năm 2002 (ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm) tính hỗ trợ không quá 80% đơn giá đất ở để tính bồi thường (nhưng không cao hơn mức giá bồi thường đất ở quy định tại tiểu tiết b.1.2.3 trên và không thấp hơn mức hỗ trợ của đất ở có nguồn gốc chiếm dụng, có cùng thời điểm sử dụng; không thấp hơn đơn giá bồi thường đất trồng cây lâu năm ở cùng vị trí khu vực đất).

Trường hợp hộ dân có nhu cầu về chỗ ở được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn không quá 200m²/hộ. Trường hợp không mua căn hộ chung cư thì được hỗ trợ giá theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3 khoản 2 Điều 2 như sau:

“2.3- Sửa đổi, bổ sung điểm b.2 như sau:

b.2- Đối với đất ở có nguồn gốc lấn, chiếm thì không được bồi thường thiệt hại về đất, nhưng được hỗ trợ từng trường hợp cụ thể với mức hỗ trợ bằng tiền không quá 30% đơn giá đất ở tính bồi thường tùy theo thời điểm lấn, chiếm trước hay sau ngày 15 tháng 10 năm 1993. Cụ thể như sau :

- Sử dụng từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở và được giải quyết mua 01 căn hộ chung cư theo giá tái định cư.

- Sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 16 tháng 9 năm 1998 (đối với khu đô thị mới Thủ Thiêm) hoặc trước ngày 22 tháng 4 năm 2002 (đối với các khu quy hoạch tái định cư): hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở. Các trường hợp này được mua (trả tiền một lần, trả góp) hoặc thuê (khấu hao 30 năm) căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích không quá 56m²/hộ (không được quy đổi nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư), phần diện tích chênh lệch lớn hơn 56m² (nếu có) được mua theo giá không kinh doanh (bố trí căn hộ không quá 02 phòng ngủ).

- Sử dụng từ ngày 16 tháng 9 năm 1998 đến trước ngày 10 tháng 5 năm 2002 (đối với khu đô thị mới Thủ Thiêm): hỗ trợ bằng 10% đơn giá đất ở. Các trường hợp này được mua (trả tiền một lần, trả góp) hoặc thuê (khấu hao 30 năm) căn hộ chung cư theo giá không kinh doanh với diện tích không quá 56m²/hộ (không được quy đổi nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư), phần diện tích chênh lệch lớn hơn 56m² (nếu có) được mua theo giá bảo tồn vốn (bố trí căn hộ không quá 02 phòng ngủ).

- Sử dụng từ ngày 10 tháng 5 năm 2002 (đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm) hoặc từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 (đối với khu tái định cư) trở về sau thì không xét hỗ trợ thiệt hại về đất, được hỗ trợ một lần 06 tháng tiền thuê nhà theo mức hỗ trợ tiền tạm cư theo quy định để tự di chuyển và tự lo nơi ở khác.

- Mức diện tích đất ở lấn chiếm để hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế bị

thu hồi nhưng không quá 100m²/hộ. Phần diện tích còn lại ngoài 100m² đang sử dụng được hỗ trợ theo mức giá hỗ trợ của đất nông nghiệp có nguồn gốc lấn chiếm (quy định tại khoản 5 Điều 4).”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm 3.2 khoản 3 Điều 2 như sau:

“3.2- Sửa đổi, bổ sung tiết c.3.2 mục c như sau:

c.3.2- Nếu hiện trạng vừa có đất ở, vừa có đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong khuôn viên đất ở của một hộ sử dụng (không thuộc diện lấn, chiếm) thì tính bồi thường, hỗ trợ:

- Đối với phần diện tích đất ở tính bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở để tính bồi thường, trừ đi 100% tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định.

- Đối với phần diện tích đất nông nghiệp tính bồi thường, hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở liền kề và được nhận thêm phần hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách mua căn hộ chung cư tính theo số m² căn hộ chung cư được quy đổi theo tỷ lệ 4,5% tại điểm 4.1 khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 và khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm 6.4 khoản 6 Điều 2 như sau:

“6.4- Bổ sung khoản 8 vào Điều 8 như sau:

8- Hỗ trợ đối với trường hợp thuê đất do Nhà nước trực tiếp quản lý với mục đích kinh doanh nhưng dùng để ở và kinh doanh, cụ thể:

8.1- Đất được thuê là đất nông nghiệp và chuyển mục đích sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất bằng 60% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Mức diện tích đất ở để tính hỗ trợ không quá 100m²/hộ, phần diện tích còn lại (nếu có) tính bồi thường chi phí san lấp (nếu có) 50.000 đồng/m².

Về tái định cư: được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn không quá 100m²/hộ hoặc được nhận hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009. Trường hợp sử dụng đất như trên mà bị giải tỏa một phần thì không đủ điều kiện tái định cư nhưng được hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư theo quy định đối với phần diện tích đất chuyển mục đích bị giải tỏa.

8.2- Đất được thuê là đất nông nghiệp và chuyên mục đích sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 10 tháng 5 năm 2002: tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất bằng 40% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Mức diện tích đất ở để tính hỗ trợ không quá 100m²/hộ, phần diện tích còn lại (nếu có) tính bồi thường chi phí san lấp (nếu có) 50.000 đồng/m². Trường hợp này được mua (trả tiền một lần, trả góp) hoặc thuê (khấu hao 30 năm) căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích không quá 56m²/hộ (không được quy đổi nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư), phần diện tích chênh lệch lớn hơn 56m² (nếu có) được mua theo giá không kinh doanh (bố trí căn hộ không quá 02 phòng ngủ).

8.3- Vật kiến trúc được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 6.”.

e) Bổ sung điểm c vào khoản 11 Điều 2 như sau:

“c) Các trường hợp sử dụng nhà ở, đất ở tại điểm a nêu trên nhưng bị giải tỏa một phần thì không đủ điều kiện tái định cư nhưng được hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư theo quy định đối với phần diện tích bị giải tỏa là đất ở.”.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 và điểm d vào khoản 8 Điều 13 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

a) Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“5. Giải quyết bồi thường, hỗ trợ đất ở đối với trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng theo thời điểm chuyển mục đích sử dụng và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (bao gồm xây dựng nhà với mục đích để ở nhưng không trực tiếp sử dụng để ở mà cho thuê để ở; cho người khác ở nhờ hoặc xây dựng nhà để ở nhưng sau đó nhà bị sập).”.

b) Bổ sung điểm d vào khoản 8 Điều 13 như sau:

“d) Giải quyết bán căn hộ chung cư theo giá bảo tồn vốn (được trả góp hoặc thuê khấu hao 30 năm) đối với các trường hợp có nhà ở trên đất bị thu hồi nhưng không đủ điều kiện tái định cư do chuyển mục đích sử dụng thành đất ở từ ngày 10 tháng 5 năm 2002 trở về sau. Diện tích, số lượng căn hộ do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản, điều tại Quyết định số

135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Thay cụm từ “ngày 20 tháng 12 năm 2001 *(ngày Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Chỉ thị số 34/2001/CT-UB về tăng cường quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm)*” bằng cụm từ “ngày 10 tháng 5 năm 2002 *(ngày Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm)*”.

2. Bãi bỏ điểm 6.5 khoản 6 Điều 2 của Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND (do đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1, Điều 1 của Quyết định này).

Điều 3. Xử lý một số trường hợp:

1. Đối với các trường hợp đã bố trí tái định cư: không giải quyết trả, hoán đổi căn hộ chung cư. Các trường hợp này thực hiện điều chỉnh giá bán, hoàn trả số tiền chênh lệch đã thanh toán mua căn hộ chung cư (nếu có), hỗ trợ tiền chênh lệch vị trí tái định cư (nếu có); phần diện tích tiêu chuẩn tái định cư chênh lệch (nếu có) được xem xét giải quyết bán thêm căn hộ chung cư *(phần diện tích chênh lệch phải bằng hoặc lớn hơn diện tích căn hộ được giải quyết, không giải quyết cho trả góp hoặc thuê)* theo điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư theo quy định.

Đối với trường hợp trong cùng một khuôn viên của một hộ sử dụng có nhiều loại đất, trong đó có loại đất đã được bố trí tái định cư nền đất, phần diện tích chênh lệch nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư thì tiếp tục giải quyết hỗ trợ bổ sung bằng tiền theo quy định, không giải quyết tái định cư.

2. Đối với các trường hợp đã nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư: hộ dân được nộp lại tiền hỗ trợ đã nhận và lãi suất phát sinh để nhận căn hộ chung cư *(phần diện tích căn hộ được giải quyết không lớn hơn phần diện tích tiêu chuẩn được hưởng; trường hợp phần diện tích tiêu chuẩn được hưởng nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu để bố trí tái định cư thì phần diện tích 56m² tính theo giá tái định cư, phần diện tích còn lại tính theo giá bảo tồn vốn, không giải quyết cho trả góp hoặc thuê)* theo điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc nhận tiền hỗ trợ giá chênh lệch được hưởng từ chính sách tái định cư theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025. Các nội dung khác của Quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002, Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố không trái với Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

2. Quyết định này áp dụng đối với các trường hợp nhà, đất bị ảnh hưởng di dời theo Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (nay thuộc thành phố Thủ Đức).

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Chánh Thanh tra Thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực II, Trưởng Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức khác, các hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2025/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy
của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tại Tờ trình số 09/TTr-VP ngày 21 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 292/BC-TP ngày 04 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Phòng Nội vụ tại Báo cáo số 17/BC-NV ngày 22 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của tập thể Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận; quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy
của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình (gọi tắt là Văn phòng).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Văn phòng; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Vị trí, chức năng và trụ sở làm việc

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân quận về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân

dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trụ sở làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận đặt tại Trung tâm Hành chính quận Tân Bình, địa chỉ số 387A đường Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn quận trong phạm vi quản lý của Văn phòng;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo phân công.

3. Tham mưu, xây dựng, quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân quận:

a) Tổng hợp đề nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, cơ quan, tổ chức liên quan về việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của quận;

b) Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đưa vào chương trình, kế hoạch công tác những vấn đề cần tập trung chỉ đạo, điều hành hoặc giao cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án, dự án, dự thảo văn bản;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác;

d) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng;

đ) Định kỳ hoặc đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện; kiến nghị giải pháp; kịp

thời báo cáo, điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

5. Phục vụ hoạt động chung của Ủy ban nhân dân quận:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung phục vụ các phiên họp của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo;

c) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức công tác tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật hiện hành cho đến khi có các quy định mới của pháp luật về vấn đề này.

6. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền:

a) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận công tác tổ chức các phiên họp, cuộc họp, hội nghị (gọi chung là cuộc họp) của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận triệu tập, chủ trì: trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho ý kiến về tổ chức cuộc họp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung; đôn đốc các cơ quan gửi tài liệu; ghi biên bản; ban hành thông báo ý kiến kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tổ chức họp báo, thông cáo báo chí về nội dung các cuộc họp, tham mưu văn bản trả lời báo chí theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch, nội dung tiếp xúc, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

c) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận: Phân công công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xử lý những vướng mắc, phát sinh để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp;

d) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong việc cải tiến lề lối, phương thức làm việc, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; duy trì kỷ cương, kỷ luật hành chính nhà nước ở địa phương;

đ) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phối hợp xây dựng Quy chế phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân quận với các cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương;

e) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tiếp công dân theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận;

h) Chuẩn bị chương trình, nội dung các chuyến công tác, tiếp khách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định;

i) Tiếp nhận, tham mưu, phối hợp xử lý các vấn đề báo chí nêu theo quy định và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

7. Tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý văn bản trình Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện:

a) Đối với đề án, dự án, dự thảo văn bản do các cơ quan trình

Các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Các đề án, dự án, dự thảo văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật: Rà soát hồ sơ, thẩm tra về thủ tục, hình thức, thể thức, nội dung, tính thống nhất và

hợp pháp của dự thảo văn bản; xây dựng phiếu trình, đề xuất phương án xử lý;

Trong quá trình xử lý, nếu còn ý kiến khác nhau, chủ trì họp với cơ quan, tổ chức liên quan để trao đổi, thống nhất trước khi trình;

b) Đối với dự thảo báo cáo do Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phụ trách: Phối hợp với các cơ quan liên quan biên tập, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Đối với các văn bản khác: Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách giao cơ quan liên quan triển khai thực hiện hoặc tổ chức các điều kiện cần thiết để Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý, sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan theo quy định của pháp luật;

đ) Phát hành văn bản của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (đối với các văn bản được phân công ký ban hành);

e) Lưu trữ văn bản, hồ sơ, tài liệu của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (đối với các văn bản được phân công);

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện văn bản của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; định kỳ rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành;

h) Rà soát, tổng hợp những vướng mắc, phát sinh về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục và nghiệp vụ hành chính văn phòng trong quá trình chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân quận sửa đổi, bổ sung; hàng năm, báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thực hiện chế độ thông tin:

a) Tổ chức, quản lý, cập nhật thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và cung cấp thông tin theo quy định;

c) Xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử quận; kết nối với hệ thống Cổng Thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Tham mưu tổ chức xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương và phối hợp thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố; kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

đ) Cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tạo ra và thông tin do mình tạo ra cho công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

9. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận về kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo theo quy định, đơn giản hóa chế độ báo cáo;

b) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân quận; công tác truyền thông về cải cách thủ tục hành chính;

c) Kiểm soát việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận; kiểm soát việc cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của địa phương;

d) Nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính và quy định có liên quan; nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay trong cải cách thủ tục hành chính trình cấp có thẩm quyền quyết định; đánh giá và xử lý kết quả rà soát về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

đ) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định, thủ

tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

e) Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia; vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố; kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu về giải quyết thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu về giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

10. Công tác đối ngoại:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận trong công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật về thỏa thuận quốc tế;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận về công tác ngoại vụ theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối ngoại theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

11. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; đầu mối triển khai kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương.

12. Bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật, hậu cần cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cho Cổng Thông tin điện tử quận và các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công.

13. Hướng dẫn và kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Chủ trì tổng kết, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ văn phòng đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, công chức Văn phòng - Thống kê phường;

b) Hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương;

c) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với chức danh công chức được giao phụ trách về lĩnh vực dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân phường;

d) Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tiếp công dân quận:

a) Tổ chức việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân quận:

Bố trí người tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Tiếp công dân;

Điều hòa, phối hợp hoạt động tiếp công dân giữa người của Ban Tiếp công dân quận với đại diện của cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân quận;

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân hoặc với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân quận hoặc lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở huyện tiếp công dân;

b) Giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng trình tự, thủ tục, đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết đúng chính sách pháp luật;

c) Phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

Phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân quận hoặc qua đường bưu điện hoặc do các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chuyển đến Ủy ban nhân dân quận, Ban Tiếp công dân quận, cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân quận;

Hướng dẫn, chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận nhưng không thuộc phạm vi, trách nhiệm xử lý của Ban Tiếp công dân quận và của cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân quận;

d) Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền đối với những đơn, vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do Ban Tiếp công dân quận chuyển đến;

Chủ trì, phối hợp với đại diện cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở và Thanh tra quận kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền đối với đơn, vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh mà Ban Tiếp công dân quận chuyển đến khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

đ) Tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban tiếp công dân quận; của cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân quận; báo cáo định kỳ và đột xuất với Ủy ban nhân dân quận, cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân quận, Thanh tra quận, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

e) Tổ chức tiếp, xử lý trường hợp nhiều người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cùng một nội dung:

Chủ trì tổ chức tiếp hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân quận hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tiếp, xử lý trường hợp nhiều người khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh về cùng một nội dung;

Phối hợp với cơ quan công an địa phương bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn cho người tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật tại Trụ sở tiếp công dân quận;

Phối hợp với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi phát sinh vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh vận động, thuyết phục hoặc có biện pháp để công dân trở về địa phương xem xét, giải quyết;

g) Phối hợp với Thanh tra quận tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong việc:

Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường;

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn đối với

nhân dân, công chức, viên chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường;

Hướng dẫn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ tiếp công dân của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

15. Thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác quản trị nội bộ:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, chương trình, kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt liên quan đến hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận;

b) Tiếp nhận, xử lý, ban hành và quản lý văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận theo quy định;

c) Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

d) Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ được giao;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận;

e) Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

g) Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

16. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về chương trình giảm nghèo trên địa bàn quận.

17. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan có thẩm quyền tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có Chánh Văn phòng, tối đa 03 (ba) Phó Chánh Văn phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Ban Tiếp công dân quận do Ủy ban nhân dân quận thành lập, trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, do một Phó Chánh Văn phòng phụ trách, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý Trụ sở tiếp công dân quận.

3. Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận bảo đảm và quản lý trụ sở, trang thiết bị, máy móc, phần mềm ứng dụng, hệ thống mạng. Người đứng đầu Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả quận là lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và là đầu mối theo dõi công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Ban Tiếp công dân, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình;

b) Báo cáo với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức, hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

5. Phó Chánh Văn phòng là người giúp Chánh Văn phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Văn phòng.

6. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

3. Phòng, ban chuyên môn quận xây dựng phương án nhân sự gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tổng hợp danh sách nhân sự cử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận. Chánh Văn phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Văn phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Văn phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Văn phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh thuộc phạm vi phụ trách.

2. Chánh Văn phòng có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

3. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Văn phòng khác thì Phó Chánh Văn phòng đó chủ động bàn bạc, thống nhất hướng giải quyết; chỉ trình Chánh Văn phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Văn phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

4. Trong trường hợp Chánh Văn phòng trực tiếp yêu cầu công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Văn phòng thì yêu cầu đó được thực hiện nhưng công chức đó phải báo cáo cho Phó Chánh Văn phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Quy chế phối hợp trong công tác

1. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; Chánh Văn phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công.

b) Định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Văn phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận.

b) Trong trường hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa thống nhất với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Văn phòng tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức khác của quận:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác, phối hợp trên cơ sở bình đẳng và thỏa thuận của các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật.

b) Khi các đơn vị, tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Văn phòng Ủy ban nhân dân, Chánh Văn phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

b) Hướng dẫn công chức phường và các tổ chức, cá nhân khác về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Văn phòng quản lý.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, Chánh Văn phòng có trách nhiệm ban hành nội quy, quy chế làm việc, quy chế phân công lĩnh vực phụ trách cho Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, Thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Y tế tại Tờ trình số 55/TTr-YT ngày 28 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2, Điều 3 như sau:

“Khoản 1 Điều 2. Phòng Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về y tế: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; dân số; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy) trên địa bàn”.

“Khoản 13 Điều 3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới, dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền”.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

1. Bổ sung cụm từ: “bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội” vào sau cụm từ “phân công về y tế” tại khoản 2 Điều 3.

2. Bổ sung cụm từ: “bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội” vào sau cụm từ “thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực y tế” tại khoản 3 Điều 3.

3. Bãi bỏ Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Y tế, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2025/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tài nguyên và Môi trường và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Luật Điều chỉnh số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực

thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, Thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tại Tờ trình số 09/TTr-VP ngày 21 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 364/BC-TP ngày 23 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Phòng Nội vụ tại Báo cáo số 18/BC-NV ngày 23 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của tập thể Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 339/TTr-TNMT ngày 28 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tài nguyên và Môi trường và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế

phối hợp trong công tác của Phòng Tài nguyên và Môi trường và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai và lĩnh vực nông nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“Trình Ủy ban nhân dân quận quyết định Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Phòng Tài nguyên và Môi trường hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Phòng Tài nguyên và Môi trường có Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ”.

4. Bổ sung Điều 3 như sau:

“20. Thực hiện nhiệm vụ về tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai và lĩnh vực nông nghiệp”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều

Bãi bỏ Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Tài nguyên và Môi trường và quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân

dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Thành

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng